

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

| Nội dung đánh giá | | Tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|-------------------------|
| 1. Phạm vi cung cấp | | |
| Tất cả hàng hóa trong Bảng phạm vi cung cấp sẽ được cung cấp bởi Nhà thầu. - Nhà thầu phải kê khai đầy đủ các thông tin cho từng hàng hóa theo quy định tại Mẫu số 10B Chương IV thuộc E-HSMT - Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã số (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, nhà sản xuất thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ không được xem xét, đánh giá | Nhà thầu đáp ứng yêu cầu E-HSMT | Đạt |
| | Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu E-HSMT | Không đạt |
| 2. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | | |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | * Có nêu rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hợp pháp. * Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa hoàn toàn phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT. (Nhà thầu phải kèm Catalogue kỹ thuật hoặc tài liệu kỹ thuật có xác nhận của nhà sản xuất (bản gốc và bản dịch Tiếng Việt), thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật của hàng hóa do Nhà thầu chào). Trong trường hợp thông số kỹ thuật của hàng hóa do Nhà thầu đề xuất có các tiêu | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|--------------------------------|
| | <p>chỉ khác biệt so với yêu cầu của E-HSMT thì Nhà thầu phải giải trình các tiêu chí khác biệt đó và tiêu chí này được đánh giá là đạt khi có tính chất tương đương hoặc cao hơn so với tiêu chí kỹ thuật trong E-HSMT.</p> <p>* Nhà thầu phải có cam kết cung cấp các văn bản, tài liệu kèm theo hàng hóa khi giao hàng, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hàng hóa nhập khẩu: <ul style="list-style-type: none"> + Các tài liệu kỹ thuật kèm theo hàng hóa theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất. + Giấy chứng nhận chất lượng (CQ). + Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) hoặc văn bản, tài liệu khác có giá trị chứng minh xuất xứ, chất lượng của hàng hóa nhà thầu cung cấp là hợp pháp. + Tờ khai hàng hóa nhập khẩu; - Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: <ul style="list-style-type: none"> + Các tài liệu kỹ thuật kèm theo hàng hóa theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất. + Giấy chứng nhận chất lượng (CQ). Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) hoặc văn bản, tài liệu khác có giá trị chứng minh xuất xứ của hàng hóa nhà thầu cung cấp là hợp pháp. | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 3. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan | | |
| Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Tài liệu | Có cung cấp tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan | Đạt |
| | Không có Cung cấp tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan | Không đạt |

| Nội dung đánh giá | | Tiêu chí đạt, không đạt |
|--|--|--------------------------------|
| chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V | | |
| 4. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Đạt |
| | Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Không đạt |
| 5. Biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao | | |
| Biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao | Có đầy đủ Biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao hợp lý, đáp ứng yêu cầu về thông số kỹ thuật của tất cả hàng hóa tại Chương V E-HSMT | Đạt |
| | Biện pháp kiểm tra và nghiệm thu bàn giao không hợp lý, không đầy đủ và không đáp ứng yêu cầu về thông số kỹ thuật của tất cả hàng hóa tại Chương V E-HSMT | Không đạt |
| 6. Khả năng thích ứng và tác động với môi trường | Có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Tiêu chí đạt, không đạt |
|---|---|--------------------------------|
| | Không có cam kết hàng hóa được cung cấp không ảnh hưởng tác động đến môi trường | Không đạt |
| 7. Bảo hành và dịch vụ sau bán hàng | | |
| 7.1 Bảo hành: Tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao | Đáp ứng yêu cầu về thời gian bảo hành. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 7.2 Khả năng sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, cung cấp phụ tùng thay thế | Có cam kết bảo hành, bảo trì và cung cấp phụ tùng thay thế | Đạt |
| | Không có cam kết bảo hành, bảo trì và cung cấp phụ tùng thay thế | Không đạt |
| E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. | | |